

Bản án số: 43 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- T phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Tư

2/ Ông Đinh Khắc Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 08/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Kim T - sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Trường H, xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh T N.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn G - sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Trường H, xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh T N.

(Các đương sự vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Kim T trình bày: Chị và anh G chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh T N. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do làm ăn Ta lả và anh G có người đàn bà khác, vợ chồng không sống chung từ năm 2015 đến nay, nên yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Đối với anh Phan Văn G là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh G không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, T thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung không có. Tài sản chung, chị T không yêu cầu, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Kim T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với anh Phan Văn G là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng anh G vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim T và anh Phan Văn G chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Trường T (huyện Hòa T), nay là thị xã Hòa T, tỉnh T N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị T, do làm ăn Ta lố và anh G có người đàn bà khác, dẫn đến vợ chồng không còn sống chung, nay không hàn gắn được, nên yêu cầu được ly hôn với anh G. Đối với anh Phan Văn G, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh G không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có ý kiến. Như vậy, giữa chị T và anh G sống chung có phát sinh ra mâu Tẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, nên mâu Tẫn giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung; chị T khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Xin ly hôn” của chị Huỳnh Kim T đối với anh Phan Văn G.

Chị Huỳnh Kim T và anh Phan Văn G được ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung; chị T khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T số 0009716 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh T N, chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

